

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 238/2024/HSST

Ngày: 06/12/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Đình Hoàng

Bà Doãn Thị Lệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hải, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thảo Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 228/2024/TLST – HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trương Tiến D, T gọi khác: Không; Sinh ngày 08/11/1996 tại Gia Lai;

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số B L, Làng N, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Trọng T1, sinh năm 1968 và bà Văn Thị Kim L, sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo Trương Tiến D bị tạm giữ từ ngày 10/7/2024 đến ngày 19/7/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Tường V, T gọi khác: Không; Sinh ngày 29/11/1986 tại Gia Lai;

Nơi thường trú: Số A đường T, Tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai và nơi ở hiện tại: Số B A đường N, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Châu Đ, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Mỹ K, sinh năm 1967; Bị cáo có chồng là Lê Anh V1 đã ly hôn và có hai con sinh năm 2010 và 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo Nguyễn Thị Tường V bị tạm giữ từ ngày 10/7/2024 đến ngày 19/7/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Trương Đức V2, T gọi khác: Không; Sinh ngày 29/3/1999 tại Gia Lai;

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số H đường T, Tổ E, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn M, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo Trương Đức V2 bị tạm giữ từ ngày 10/7/2024 đến ngày 19/7/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trương Thị Thúy V3, sinh năm 1996. Địa chỉ: 8 T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bà Đặng Thị Hồng T2, sinh năm 1966. Địa chỉ: C T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Tiến D, Nguyễn Thị Tường V và Trương Đức V2 có mối quan hệ bạn bè quen biết và đều sử dụng chất ma túy. Vào sáng ngày 10/7/2024, D sử dụng ứng dụng Zalo nói chuyện với một đối tượng tên H (là bạn bè quen biết ngoài xã hội, chưa xác định nhân thân, lai lịch); H có tài khoản Zalo tên “*Quang Huy*”. Khi nói chuyện thì H nói cho D 01 gói ma túy đá để sử dụng. Đến 10 giờ ngày 10/7/2024, do không có xe nên D gọi điện thoại nhờ V mua cơm trưa mang lên nhà nghỉ Đồi Thông thuộc xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai (là nơi D đang thuê nghỉ) thì V đón xe thô chở đến. Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10/7/2024, sau khi ăn cơm xong, D nói với V: “*Có thằng H cho gói ma túy đá, kiểm xe đi lấy về chơi*”, thì V nói: “*Không có xe, để nhờ V2 chở đi lấy*”. Sau đó, V sử dụng ứng dụng Messenger nhắn tin cho V2, nói V2 qua chở V đi lấy ma túy, thì V2 đồng ý. Vào lúc 13 giờ 10 phút ngày 10/7/2024, D sử dụng ứng dụng Zalo nhắn tin cho H hỏi địa điểm đưa ma túy; H trả lời tại đường W thì D hiểu là hẻm S đường W, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (đoạn sau lưng khách sạn C, đường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai), do trước đây đã nhiều lần gặp nhau nên D biết H thường xuyên đến khu vực này. Sau đó, D nói V đến hẻm S đường W, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai rồi gọi điện thoại lại cho D để D gọi H ra giao ma túy. Đồng thời, D và V thống nhất sau khi lấy được ma túy sẽ đến phòng trọ của V2 thuê ở để sử dụng. Vào lúc 13 giờ 36 phút ngày 10/7/2024, V2 điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Utimo, biển số 81B1-409.10 đến nhà nghỉ Đ1 chở V đến hẻm S đường W, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đến 14 giờ 06 phút ngày 10/7/2024, V2 và V đến điểm hẹn, V chụp hình ảnh vị trí điểm đến gửi qua ứng dụng Imessage cho D biết, rồi cùng V2 đứng đợi nhận ma túy. Sau khi nhận được hình ảnh vị trí do V gửi thì D sử dụng ứng dụng Zalo nhắn tin cho H nói giao ma túy. Sau đó, có một người đàn ông (chưa xác định nhân thân, lai lịch) đi bộ đến chỗ V2 và V đang đứng, hỏi: “*Có phải chỗ D không?*”, thì V trả lời: “*Phải*”, rồi người đàn ông này đưa cho V2 01 gói nilon chứa ma túy đá; V2 cầm và đưa cho V cất giấu vào túi áo khoác V mặc trên người. Lấy được ma túy, V nói đến phòng trọ của V2 thuê ở tại nhà trọ hẻm S đường T, Tổ E, phường D, thành phố P, để sử dụng, thì V2 đồng ý và chở V về phòng trọ

của V2. Khi đến nơi, V vào phòng trọ và để 01 gói ma túy trên bàn; còn V2 điều khiển xe đến nhà nghỉ Đồi T3 chở D về phòng trọ của V2 để cùng nhau sử dụng ma túy. Vào lúc 15 giờ cùng ngày, khi D, V2 và V đang ngồi nói chuyện tại phòng trọ, chưa kịp sử dụng ma túy do không có dụng cụ để sử dụng, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phối hợp Công an phường D tiến hành kiểm tra. Khi thấy lực lượng Công an vào, D đã lấy gói ma túy trên bàn cất giấu vào bên trong 01 hộp điện gắn trên tường gần nhà vệ sinh của phòng trọ, thì bị bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng, gồm: 01 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể (đã được niêm phong theo quy định); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold loại A1779 kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8984 0480 0032 6947 184) của Trương Tiến D; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh đen kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 89840 48000 92557 6235) của Nguyễn Thị Tường V; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold loại A1687 kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 898402000 11486657057) của Trương Đức V2 và 01 xe mô tô biển số 81B1-409.10, số khung RLCM4P8307Y005781, số máy 4P83005781

Tại bản Kết luận giám định số 698/KL-KTHS ngày 19/7/2024 của phòng K1 - Công an tỉnh G, kết luận: “*Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 01 (một) gói nilon trong bì công văn gửi giám định là **ma túy**, loại **Methamphetamine**, khối lượng **0,1952 gam***”

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 241/CT-VKS ngày 05 tháng 11 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trương Tiến D, Nguyễn Thị Tường V và Trương Đức V2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Tiến D mức án từ 1 năm 3 tháng đến 1 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tường V, Trương Đức V2 mỗi bị cáo mức án từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Đối với chất ma túy loại còn lại sau giám định là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành, tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy. Đề nghị tịch thu sung công 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold loại A1779 kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8984 0480 0032 6947 184); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh đen kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 89840 48000 92557 6235); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold loại A1687 kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 898402000 11486657057).

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời căn cứ vào bản Kết luận giám định số 698/KL – KTTHS ngày 19/7/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh G, có đủ cơ sở kết luận: Trương Tiến D, Nguyễn Thị Tường V và Trương Đức V2 là bạn bè quen biết và đều sử dụng ma túy. Vào ngày 10/7/2024, D được một đối tượng tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) nói cho D 01 gói nilon chứa ma túy đá để sử dụng và nói D đến hẻm S đường W, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai để lấy ma túy. Do không có xe nên D nói V đi thì V đã nói V2 chở đi và V2 đã điều khiển xe mô tô biển số 81B1-409.10 chở V đi đến địa điểm trên. D và V đã thống nhất với nhau là sau khi nhận được ma túy sẽ đến phòng trọ của V2 để sử dụng. Tại hẻm S đường W, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, V2 và V đã nhận được 01 gói ma túy từ một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch). Sau đó, V nói V2 về phòng trọ của V2 để sử dụng thì V2 đồng ý và V2 chở D, V mang theo gói ma túy đến phòng trọ của V2 thuê ở tại nhà trọ hẻm S đường T, Tổ E, phường D, thành phố P, Gia Lai, với mục đích để cùng nhau sử dụng ma túy. Vào lúc 15 giờ ngày 10/7/2024, khi D, V và V2 đang ở tại phòng trọ của V2 mà chưa kịp sử dụng ma túy thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phối hợp Công an phường D bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng, gồm: 01 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể cùng 03 chiếc điện thoại di động (kèm sim số) và 01 xe mô tô biển số 81B1-409.10. Qua giám định, xác định: Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 gói nilon mà các bị cáo Trương Tiến D, Nguyễn Thị Tường V và Trương Đức V2 tàng trữ với mục đích để sử dụng là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1952 gam.

Bị cáo Trương Tiến D, Nguyễn Thị Tường V, Trương Đức V2 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện đó là lỗi cố ý. Đây là vụ phạm tội có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, Trương Tiến D là người rủ rê, khởi xướng và cùng với Nguyễn Thị Tường V, Trương Đức V2 thực hành tội phạm. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trương Tiến D, Nguyễn Thị Tường V và Trương Đức V2 đồng phạm về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Đây là vụ án “Tàng trữ trái phép chất ma túy” hành vi của các bị cáo được xác định là tội phạm nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội.

[4] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vai trò của các bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt

Bị cáo Trương Tiến D có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng. Bị cáo Nguyễn Thị Tường V và Trương Đức V2 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo D có thời gian phục vụ trong lực lượng CAND, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Trương Tiến D là người khởi xướng rủ rê việc phạm tội, bị cáo D có nhân thân xấu, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo còn lại, bị cáo V và bị cáo V2 tham gia tích cực vào việc thực hiện tội phạm, nên các bị cáo phải chịu hình phạt bằng nhau là phù hợp.

[5] Căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần lên cho các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Xét mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 500.000.000đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” nên các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, hành vi phạm tội không liên quan đến nghề nghiệp nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chất ma túy còn lại sau giám định cùng vỏ bao gói trong 01 bì công văn niêm phong ghi “Số 698/PC09, ngày 19 tháng 7 năm 2024” có dấu niêm phong của phòng K1 - Công an tỉnh G là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành, tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold loại A1779 kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8984 0480 0032 6947 184); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh đen kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 89840 48000 92557 6235); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold loại A1687

kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 898402000 11486657057) là công cụ và phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng để liên lạc mua và sử dụng ma túy nên cần tịch thu sung công.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 81B1-409.10 là của chị Trương Thị Thúy V3 (là chị ruột của Trương Đức V2). Vào khoảng thời gian năm 2014, chị V3 đã mua lại chiếc xe này của chị Ngô Thị H1 (sinh năm 1983; trú tại số B đường C, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai) nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Từ khoảng tháng 6/2024, chị V3 cho V2 mượn xe trên để đi làm; việc V2 sử dụng xe làm phương tiện đi lấy ma túy thì chị V3 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị V3 là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với đối tượng tên H là người mà bị cáo D khai đã cho ma túy: Do các bị cáo D, V2, V đều không biết được nhân thân, lai lịch của H và không biết đối tượng đưa ma túy; Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra danh bạ trong chiếc điện thoại đã thu giữ của các bị cáo nhưng không xác định được nội dung liên quan và số điện thoại của H. Đồng thời, đã xác minh tại địa bàn phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai nhưng không xác định được đối tượng tên H có liên quan đến hoạt động ma túy nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chị Trương Thị Thúy V3 là người đã cho bị cáo V2 mượn 01 xe mô tô biển kiểm soát 81B1-409.10 nhưng việc V2 sử dụng xe làm phương tiện đi lấy ma túy thì chị V3 không biết nên không có căn cứ xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với bà Đặng Thị Hồng T2 là chủ nhà trọ hẻm S đường T, Tổ E, phường D, thành phố P, Gia Lai (nơi bị cáo V2 thuê ở): Việc D, V2, V mang ma túy đến phòng trọ, với mục đích để sử dụng thì bà T2 không biết nên không có căn cứ xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo Trương Tiến D, Nguyễn Thị Tường V và Trương Đức V2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Tiến D, Nguyễn Thị Tường V và Trương Đức V2 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Tiến D 1 (Một) năm 3 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 10/7/2024

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tường V 1 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 10/7/2024

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Đức V2 1 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 10/7/2024

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử: Tịch thu tiêu hủy chất ma túy còn lại sau giám định trong 01 bì công văn niêm phong ghi “Số 698/PC09, ngày 19 tháng 7 năm 2024” có dấu niêm phong của phòng K1 - Công an tỉnh G (Có chữ ký ghi họ và tên của Nguyễn Minh T4, Nguyễn Thế M1, Phạm Thế D1)

Tịch thu sung công 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold loại A1779 kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8984 0480 0032 6947 184); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh đen kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 89840 48000 92557 6235); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold loại A1687 kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 898402000 11486657057) (Điện thoại cũ, đã qua sử dụng Chi cục THADS TP. không kiểm tra tình trạng bên trong).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/11/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử buộc bị cáo Trương Tiến D, Nguyễn Thị Tường V, Trương Đức V2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. P;
- Công an TP. P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Đình Hoảng Doãn Thị L1

Nguyễn Thị Hồng T5

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thắm

